



TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

TIN HỌC

10

CHỦ ĐỀ 2

MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

HƯỚNG DẪN GIẢI - SÁCH BÀI TẬP

GV: VŨ THU THỦY





CHỦ ĐỀ 2

MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

BÀI 8

MẠNG MÁY TÍNH TRONG CUỘC SỐNG HIỆN ĐẠI

Câu 8.1 trang 18 SBT Tin học 10: Phát biểu nào dưới đây là đúng?

- A. Mạng LAN là mạng mà các máy tính được kết nối trực tiếp với nhau qua cáp truyền tín hiệu.
- B. Mạng LAN là mạng kết nối các máy tính trong một quy mô địa lí nhỏ.
- C. Các máy tính trong mạng LAN cần được đặt trong một phòng.
- D. Mạng LAN là mạng mà các máy tính được kết nối qua cùng một bộ thu phát wifi.

Lời giải:

- B đúng vì: Mạng LAN là mạng kết nối các máy tính trong một quy mô địa lí nhỏ có thể có dây hoặc không dây.



mạng LAN của hai phòng nhập thành một mạng LAN lớn hơn.

- Nếu mỗi mạng LAN đều kết nối ra Internet một cách độc lập và kết nối giữa hai mạng thông qua Internet thì ta có mạng WAN.

Câu 8.3 trang 18 SBT Tin học 10: Phương án nào dưới đây là đúng?

A. Mỹ là quốc gia sáng tạo ra Internet nên cũng là chủ sở hữu Internet. Các quốc gia khác muốn tham gia vào Internet đều phải được phép của Chính phủ Mỹ.

B. Internet do Liên hợp quốc quản lí. Các quốc gia đều có quyền sử dụng Internet. Ai cũng có thể tự kết nối vào mạng Internet.

C. Internet không có chủ nhưng có một tổ chức điều phối kĩ thuật và chính sách. Các tổ chức hay cá nhân tự nguyện tham gia vào Internet. Để được kết nối, họ sử dụng dịch vụ



kết nối của các nhà cung cấp dịch vụ Internet.

D. Internet được hình thành một cách tự phát, các tổ chức hay cá nhân tự thoả thuận với nhau hoặc thuê qua một nhà cung cấp dịch vụ đường truyền để kết nối với nhau.

Lời giải:

Đáp án đúng là: C

Internet không có chủ nhưng có một tổ chức điều phối kỹ thuật và chính sách. Các tổ chức hay cá nhân tự nguyện tham gia vào Internet. Để được kết nối, họ sử dụng dịch vụ kết nối của các nhà cung cấp dịch vụ Internet.

Câu 8.4 trang 19 SBT Tin học 10: *Phát biểu nào đúng?*

A. Bất cứ dịch vụ trực tuyến nào (dịch vụ tương tác qua Internet) đều là dịch vụ đám mây.



B. Báo điện tử đăng tin tức hàng ngày là dịch vụ đám mây.

C. Nhắn tin ngắn trên điện thoại (SMS) là sử dụng dịch vụ đám mây.

D. Web-mail (thư điện tử trên giao diện web) là dịch vụ đám mây.

Lời giải:

Đáp án đúng là: D

D đúng. Web-mail là dịch vụ đám mây, người sử dụng phải thuê bao dịch vụ thư điện tử (dịch vụ phần mềm).

- A, B sai vì dịch vụ cung cấp dữ liệu không cần qua thuê bao như xem báo điện tử không phải là dịch vụ đám mây.

- C sai vì nhắn tin ngắn trên điện thoại (SMS) không cần chạy trên Internet.

Câu 8.5 trang 19 SBT Tin học 10: *Gọi điện thoại miễn phí qua Zalo, Messenger trên*



Facebook hay Viber có phải là dịch vụ đám mây không? Tại sao?

Lời giải:

Gọi điện thoại qua Zalo, Messenger trên Facebook hay Viber là dịch vụ đám mây. Trong trường hợp này, người dùng đã phải thuê bao phần mềm và chạy từ một máy chủ cung cấp dịch vụ trên Internet, dù không phải trả tiền.



Câu 8.6 trang 19 SBT Tin học 10: *Phát biểu nào đúng?*

A. IoT là mạng kết nối các thiết bị thông minh thông qua mạng Internet nhằm thu thập dữ liệu trên phạm vi toàn cầu.

B. IoT là mạng của các thiết bị thông minh nhằm thu thập và xử lý dữ liệu tự động.

C. IoT là mạng của các thiết bị tiếp nhận tín hiệu.



D. IoT là mạng của các máy tính, nhằm trao đổi dữ liệu với nhau.

Lời giải:

- B đúng. IoT là mạng của các thiết bị thông minh nhằm thu thập và xử lý dữ liệu tự động trên một phạm vi rộng.
- A sai vì không phải một mạng IoT nào cũng kết nối qua mạng Internet nhằm thu thập dữ liệu trên phạm vi toàn cầu.
- C sai vì nếu chỉ tiếp nhận tín hiệu mà không có số hoá và truyền dữ liệu cho nhau trong một ứng dụng nào đó thì không phải là mạng IoT.
- D sai vì định nghĩa này chỉ là mạng máy tính mà không phải là mạng IoT.

Câu 8.7 trang 19 SBT Tin học 10: *Camera an ninh trước đây thường hiển thị hình ảnh trực tiếp lên màn hình giám sát và ghi hình liên tục vào đĩa cứng máy tính để lúc cần có thể xem lại.*





Hình 8.1

Ngày nay các gia đình thường dùng IP camera có gắn thẻ nhớ và có kết nối với Internet. Chúng hoạt động như sau:



Hình 8.2

- Camera có bộ xử lí, luôn phân tích hình ảnh nhận được, chỉ khi nào thấy ảnh động mới ghi hình và lưu thành từng clip ngắn khoảng vài phút. Nếu thẻ đã đầy thì camera tự động xóa clip cũ nhất để lấy chỗ cho clip mới.

- (Những) người sử dụng cài đặt trên điện thoại thông minh một app giám sát.

- Trong chế độ trực tuyến (online), có thể đặt chế độ cảnh báo online, khi nào có ảnh động thì camera gửi cảnh báo về điện thoại di động. Khi thấy có cảnh báo, nếu muốn xem, người sử dụng chọn chế độ xem, video được gửi tới điện thoại.

- Trong chế độ ngoại tuyến (offline), lúc mở app, người sử dụng sẽ thấy danh sách các clip theo trình tự thời gian, có thể mở để xem. Hệ thống camera an ninh này có phải là hệ thống IoT không? Vì sao? Em hãy nêu lợi ích của nó so với giải pháp trước đây (dùng máy tính tại chỗ ghi hình)

Lời giải:

- Hệ thống camera gia đình tương tác với các thiết bị giám sát như máy tính, điện thoại di động qua mạng chính là một hệ thống IoT.



- Thuật ngữ IP camera chỉ các camera giao tiếp trên nền tảng Internet. IP camera là thiết bị thông minh, không chỉ ghi hình mà nó phân tích ảnh, nếu thấy ảnh thu được thay đổi nhiều, chứng tỏ cảnh động (có ý nghĩa) thì mới ghi lại dữ liệu, giúp giảm được khối lượng lưu trữ. Mặt khác, do kết nối được qua Internet mà người dùng có thể quan sát và điều khiển camera ở khắp nơi, không phải sử dụng máy tính tại chỗ. Chi phí cho hệ thống thấp, vì không cần máy tính độc lập với ổ cứng lớn, không cần sử dụng dây cáp nối với máy tính. Việc lắp đặt và cấu hình hệ thống đơn giản.

Câu 8.8 trang 20 SBT Tin học 10: Em có biết một ứng dụng IoT nào không? Nếu có hãy mô tả ứng dụng đó.

Lời giải:

- Hệ thống cảnh báo động đất, sóng thần của những nước thường bị động đất như Nhật Bản, Indonesia: Hệ thống gồm các



cảm biến đo các chấn động của vỏ Trái Đất. Các dữ liệu được thu thập tự động chuyển về trung tâm xử lí để dự báo. Trong trường hợp có nguy cơ, hệ thống có thể gửi tín hiệu báo động đến các máy phát hoặc gửi tin nhắn đến điện thoại của người dân trong vùng có nguy cơ.

- Cảnh báo nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh: Trong thời kì đại dịch Covid-19, nhiều nước đã áp dụng công nghệ thông tin để cảnh báo dịch bệnh. Ở Việt Nam, phần mềm Bluezone trên điện thoại là một hệ thống như vậy. Ngoài chức năng nhận thông báo từ các cơ quan chính phủ, khai báo y tế hay đăng kí tiêm chủng, có một chức năng hoạt động theo kiểu IoT kết nối giữa các điện thoại thông minh qua bluetooth. Nếu điện thoại phát hiện có tiếp xúc gần với một đối tượng có nguy cơ lây nhiễm là F0, hay F1 thì người đó được cảnh báo và tự động được gán F1 hay F2.

Việc này không chỉ giúp cảnh báo cho người tiếp xúc gần mà còn giúp cơ quan y tế truy vết.

- Ô tô tự lái có các cảm biến để nhận biết biển báo, chướng ngại vật, có hệ thống định vị GPS để định vị trên bản đồ số, tất cả các dữ liệu này được xử lý để lái tự động.

Câu 8.9 trang 20 SBT Tin học 10: Em hãy kể tên một số dịch vụ điện toán đám mây mà em biết.

Lời giải:

- Ứng dụng đặt xe taxi như: Uber, Grab, Bee, Mailinh.
- Ứng dụng bán hàng qua mạng (thuê dịch vụ giới thiệu hàng, kết nối với khách hàng, tiếp nhận yêu cầu, giao hàng và thanh toán) như: Shopee, Sendo, Tiki, ...



Câu 8.10 trang 20 SBT Tin học 10: Em hãy kể một số ứng dụng sử dụng mạng máy tính trong lĩnh vực phòng chống dịch bệnh.

Lời giải:

- Các website đăng tải các thông tin về phòng chống dịch bệnh.
- Các app để khai báo y tế trực tuyến (ví dụ, trong thời kì chống dịch Covid-19 có các app ncovi, sskdt (sổ sức khỏe điện tử).
- Các app truy vết qua bluetooth như Bluezone.

Câu 9.1 trang 21 SBT Tin học 10: Em hãy cho biết mỗi hoạt động của cột bên trái có thể gặp những nguy cơ nào ở cột bên phải dưới đây



Hoạt động	Nguy cơ
1) Học trực tuyến	a) Lộ thông tin cá nhân
2) Chơi game	b) Tin giả
3) Sử dụng thư điện tử	c) Nghiện mạng
4) Trò chuyện trực tuyến	d) Bị quấy rối, bắt nạt
5) Tham gia mạng xã hội	e) Bị lừa đảo
6) Đọc báo mạng	f) Nhiễm phần mềm độc hại

1 – không có nguy cơ nào đáng kể.

2 – c.

3 – a, f.

4 – a, c, f (nếu hệ thống trò chuyện trực tuyến có chức năng gửi tệp đính kèm).

5 – a, b, c, d, e.

6 – b.

Câu 9.2 trang 21 SBT Tin học 10: Em có nhiều tài khoản tương ứng với nhiều dịch vụ mạng. Hãy nghĩ cách làm thế nào để không



quên, không lẫn và không bị ăn cắp tài khoản.

Lời giải:

Khi có nhiều tài khoản tương ứng với nhiều dịch vụ mạng, để không quên, không lẫn chắc chắn phải ghi lại. Vấn đề là đặt mật khẩu như thế nào và ghi lại như thế nào.

- Không đặt mật khẩu quá đơn giản hay dễ đoán như viết tắt tên, ngày sinh của mình và của người thân, số nhà, số điện thoại, ...

- Nên nghĩ một cách mã hoá, dù đơn giản, ví dụ thay một số chữ này bằng một số chữ kia và không nhất thiết phải ghi đầy đủ mà chỉ đủ để gợi nhớ được chính xác mật khẩu.

- Không lưu thông tin về mật khẩu trên mạng. Có thể lưu vào một thư mục ít bị để ý trong máy tính cá nhân. Hạn chế cho



người khác dùng máy tính, chính máy tính cũng cần đăng nhập mới có thể truy cập thông tin.

Câu 9.3 trang 21 SBT Tin học 10: Em hãy mô tả biểu hiện và tác hại của "bệnh" nghiện mạng.

Lời giải:

Đặc trưng của bệnh nghiện là cảm thấy thiếu thốn nghiêm trọng nếu không được dùng. Các biểu hiện cụ thể của nghiện mạng là thời gian dùng nhiều, dùng bất kì lúc nào có thể. Bệnh nghiện mạng có những tác hại sau:

- Ảnh hưởng đến học tập, công việc do dành quá nhiều thời gian lên mạng.
- Ảnh hưởng đến sức khỏe, do tiếp xúc liên tục, tiếp xúc lâu dài với máy tính, có thể vào thời gian không thích hợp.



- Ảnh hưởng đến tâm lí giao tiếp. Trẻ em sử dụng máy tính hay ti vi nhiều có thể dẫn đến tự kỉ.
- Sống ảo.

Câu 9.4 trang 21 SBT Tin học 10: Em hãy nêu những khả năng bị nhiễm phần mềm xấu.

Lời giải:

Những khả năng bị nhiễm phần mềm xấu:

- Bất cẩn khi sao chép và cài đặt phần mềm, nhất là các phần mềm không có bản quyền. Trong số đó có những phần mềm bị phá khoá và bị sửa để chèn mã độc.
- Bất cẩn khi nhận tin nhắn hay thư điện tử, vô tình cài đặt phần mềm độc hại mà không biết.
- Cho người khác sử dụng máy tính, thẻ nhớ của mình.



Câu 9.5 trang 21 SBT Tin học 10: Điều nào sau đây sai khi nói về các đặc điểm của virus?

- A. Virus là các chương trình gây nhiễu hoặc phá hoại.
- B. Virus có khả năng tự nhân bản để lây lan.
- C. Virus không phải là một chương trình hoàn chỉnh.
- D. Virus chỉ hoạt động trên hệ điều hành Windows.

Lời giải:

Đáp án đúng là: D

Virus tồn tại trên mọi hệ điều hành, kể cả hệ điều hành di động.

Câu 9.6 trang 22 SBT Tin học 10: Điều nào sau đây là không đúng khi nói về cơ chế phát tán của worm?



A. Tận dụng lỗ hổng bảo mật của hệ điều hành.

B. Lừa người sử dụng tải phần mềm.

C. Gắn mình vào một tệp khác để khi tệp đó được sử dụng thì phát tán.

D. Chủ động phát tán qua thư điện tử và tin nhắn, lợi dụng sự bất cẩn của người dùng.

Lời giải:

Đáp án đúng là: C

Worm lợi dụng những lỗ hổng bảo mật của hệ điều hành hoặc dẫn dụ, lừa người dùng chạy để cài đặt vào máy tính nạn nhân. Cách lừa thông thường là để một liên kết ngấm trong email hoặc tin nhắn với vỏ bọc là một nội dung lành mạnh.

Câu 9.7 trang 22 SBT Tin học 10: Điều nào sau đây **sai** khi nói về trojan?

A. Trojan nhằm mục đích chiếm đoạt quyền và chiếm đoạt thông tin.



B. Trojan cần đến cơ chế lây lan khi muốn khống chế một số lượng lớn các máy tính.

C. Trojan là virus.

D. Rootkit là một loại hình trojan.

Lời giải:

Đáp án đúng là: C

Trojan không phải là virus, trojan có mục đích chiếm đoạt quyền hoặc thông tin, thường không tạo ra lây lan trong nội bộ máy tính.

Câu 9.8 trang 22 SBT Tin học 10: *Khi máy tính đã được cài đặt phần mềm phòng và chống virus, máy còn có khả năng bị nhiễm virus nữa hay không? Giải thích.*

Lời giải:

Khi máy tính đã được cài đặt phần mềm phòng và chống virus, máy vẫn còn có khả năng bị nhiễm virus. Virus được tạo ra liên tục, phần mềm chống virus phải nhận

diện được virus mới có thể lọc được. Trong thời gian phần mềm chống virus chưa được cập nhật mẫu virus mới, máy tính vẫn có thể bị nhiễm virus.

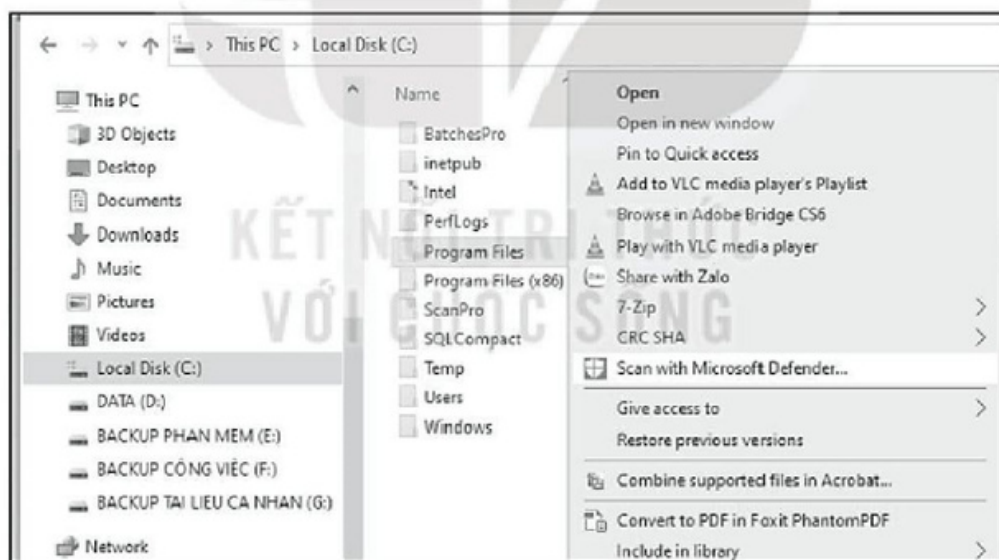
Câu 9.9 trang 22 SBT Tin học 10: *Thực hành: Em hãy sử dụng phần mềm Defender để quét virus trong thư mục Program Files và Download.*

Lời giải:

Chỉ với nhiệm vụ quét virus và các nguy cơ khác trên một thư mục thì cách đơn giản nhất là dùng File Explorer tìm thư mục đó. Sau đó nháy nút phải chuột, chọn chức năng **Scan with Microsoft Defender...**

Phần mềm Defender sẽ thi hành ngay chức năng Quick Scan trên thư mục đã chọn. Chỉ cần đợi quá trình quét kết thúc và thông báo kết quả xử lý.





Hình 9.1

Câu 9.10 trang 22 SBT Tin học 10: Em hãy tìm và nêu ra danh sách 10 phần mềm phòng chống virus thông dụng nhất chúng ta có thể khai thác được.

Lời giải:

Em có thể tìm trên Google, với từ khoá "Các phần mềm phòng chống virus", để có thể lấy được nhiều danh sách. Từ các danh sách đó có thể chọn được những đại diện được nhắc nhiều nhất.

Ví dụ danh sách 10 phần mềm bao gồm: Avast, Avira, Kaspersky, Defender, AVG,

Bitdefender, Panda, Norton, BKAV, McAfee, ...

Câu 10.1 trang 23 SBT Tin học 10: Thực hành: Em hãy sử dụng ứng dụng dịch Google Translate để thực hiện:

a) Dịch một câu từ tiếng Việt sang một ngoại ngữ mà em được học.

b) Tìm và lấy một đoạn văn bản viết bằng tiếng nước ngoài từ Internet rồi lưu lại thành một tệp văn bản bằng phần mềm soạn thảo văn bản. Dịch nội dung đó sang tiếng Việt rồi ghi vào một tệp văn bản.

Lời giải:

Hướng dẫn:

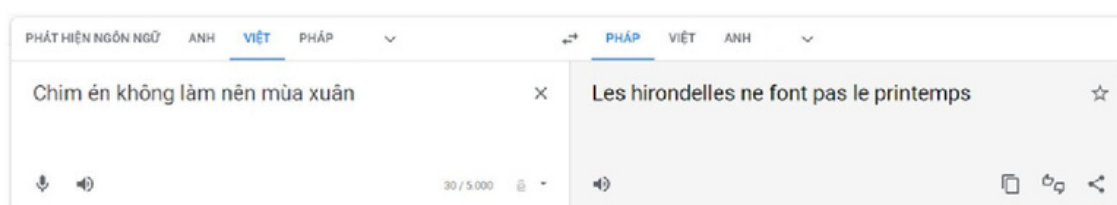
a) Dịch một câu từ tiếng Việt sang một ngoại ngữ khác:

- Bước 1. Mở trang web translate.google.com.



- Bước 2: Chọn ngôn ngữ gốc là tiếng Việt, chọn ngôn ngữ đích (ví dụ tiếng Pháp).

Bước 3. Nhập nội dung câu cần dịch bằng tiếng Việt vào cửa sổ bên trái (ngôn ngữ gốc), kết quả sẽ xuất hiện trong cửa sổ bên phải (ngôn ngữ đích).



b) Dịch một tệp văn bản từ tiếng nước ngoài (ví dụ tiếng Anh) sang tiếng Việt:

- Bước 1. Tìm nội dung dịch trên Internet, ví dụ đoạn giải thích về *Kết nối vạn vật* tại địa chỉ [https://en.wikipedia.org/wiki/Internet of things](https://en.wikipedia.org/wiki/Internet_of_things), ghi vào tệp có tên "Kết nối vạn vật", nội dung như sau:

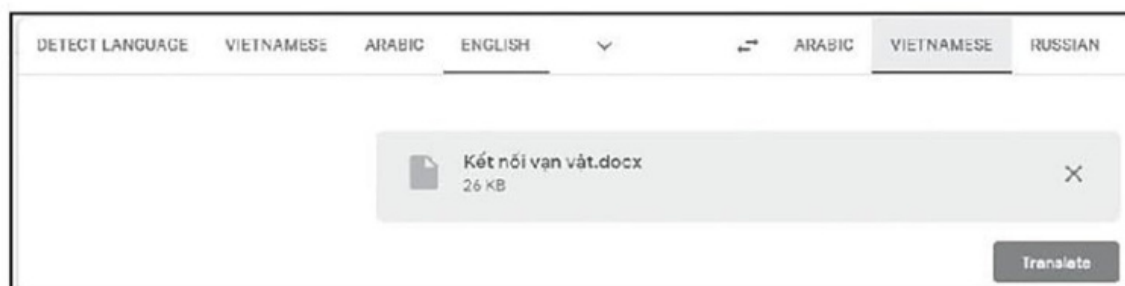


"The **Internet of Things (IoT)** describes the network of physical objects, so known as, "things" that are embedded with sensors, software, and other technologies that is used for the purpose of connecting and exchanging data with other devices and systems over the Internet.[1][2][3][4]

Things have evolved due to the convergence of multiple technologies, real-time analytics, machine learning, ubiquitous computing, commodity sensors, and embedded systems.[1] Traditional fields of embedded systems, wireless sensor networks, control systems, automation (including home and building automation), and others all contribute to enabling the Internet of things. In the consumer market, IoT technology is most synonymous with products pertaining to the concept of the "smart home", including devices and appliances (such as lighting fixtures, thermostats, home security systems and cameras, and other home appliances) that support one or more common ecosystems, and can be controlled via devices associated with that ecosystem, such as smartphones and smart speakers. The IoT can also be used in healthcare systems".

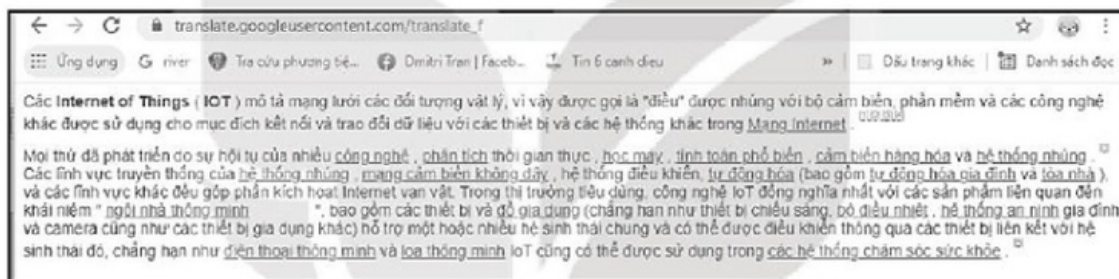
Bước 2. Mở trang translate.google.com, chọn ngôn ngữ gốc là tiếng Anh, ngôn ngữ đích là tiếng Việt.

– Bước 3. Chọn chế độ dịch là Document, sau đó nháy chuột vào "Browse your computer" để chọn tệp "Kết nối vạn vật".



Hình 10.2

Bước 4. Nháy chuột vào liên kết "Translate", em nhận được kết quả trên một trang riêng như sau:



Hình 10.3

– Bước 5. Đánh dấu toàn bộ nội dung, sao chép lại (copy – dùng tổ hợp phím Ctrl + C). Sau đó mở một tệp văn bản mới trên phần mềm soạn thảo và dán (paste – dùng tổ hợp phím Ctrl + V).

– Bước 6. Bản dịch của Google chưa đủ rõ ràng và tinh tế. Hãy sửa rồi lưu lại. Nội dung sửa có thể như sau:

Kết nối vạn vật (Internet of Things - IoT) mô tả mạng các đối tượng vật lí, được gọi là "các vật" mà chúng được nhúng trong các cảm biến, phần mềm hay các thiết bị công nghệ khác với mục đích kết nối và trao đổi



dữ liệu với các thiết bị và các hệ thống khác qua Internet....

Câu 10.2 trang 23 SBT Tin học 10: Thực hành: Em hãy khai thác một bài giảng điện tử trong trang igiaoduc.vn.

Lời giải:

Hướng dẫn: Ví dụ khai thác bài học trực tuyến về Vật lí lớp 10.

- Bước 1. Mở trang igiaoduc.vn, xuất hiện trang chủ có một cây thư mục đa cấp.

Cấp 1 gồm 3 loại là học liệu số, sách giáo khoa và dư địa chí. Nháy chuột chọn "Học liệu số" để mở ra thư mục cấp 2 có danh sách các lớp.

Nháy chuột chọn mục "Lớp 10", danh sách các môn học sẽ được mở ra. Nháy chuột chọn môn "Vật lý", các học liệu của môn học này, trong đó có các bài giảng điện tử



sẽ được hiển thị ở phía bên phải màn hình.

Học liệu số / Lớp 10 / Vật lí

☆☆☆☆☆  148

**Tổng Hợp Và Phân Tích
Lực. Điều Kiện Cân
Bằng Của Chất Điểm**

Kiều Thị Hạnh

Trưởng THPT Mai Sơn, Thị
trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn,
Sơn La

[Học trực tuyến](#)

☆☆☆☆☆  90

Động Năng

Nguyễn Thị Tiên

Trưởng THPT Phan Huy Chú,
Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai,
Hà Nội

[Học trực tuyến](#)

☆☆☆☆☆  85

**Cân Bằng Của Một Vật
Có Trục Quay Cố Định.
Momen Lực**

Hà Thị Thanh Hương

PT DTNT THPT huyện Mường
Chà, Thị trấn Mường Chà,
Huyện Mường Chà, Điện Biên

[Học trực tuyến](#)

☆☆☆☆☆  72

Động năng

Nguyễn Thị Dung, Nguyễn
Minh Hương

Trưởng THPT Vạn Xuân-Hoài
Đức, Xã Cát Quế, Huyện Hoài
Đức, Hà Nội

[Học trực tuyến](#)

Chọn bài giảng điện tử muốn học, ví dụ bài "Quá trình đẳng nhiệt – định luật boyle mariotte". Nháy chuột vào tên bài để mở bài học, sau đó nháy chuột vào nút "Học trực tuyến" để xem video bài học.

Quá trình đẳng nhiệt. Định luật Bôilơ-Mariôt

 Xem: 75  Thảo luận: 0

[Học trực tuyến](#)

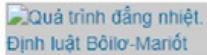
I. Trạng thái và quá trình biến đổi trạng thái

- Trạng thái của một lượng khí được xác định bằng các thông số trạng thái: áp suất p , thể tích V và nhiệt độ tuyệt đối T .
- Lượng khí có thể chuyển từ trạng thái này sang trạng thái khác bằng các quá trình biến đổi trạng thái. Khí biến đổi ...

[Xem thêm](#)

Thông tin bài học

Tìm hiểu chi tiết quá trình đẳng nhiệt của một lượng khí; nội dung và hệ thức định luật Bôilơ-Mariôt; khái niệm và dạng của đường đẳng nhiệt.



Quá trình đẳng nhiệt.
Định luật Bôilơ-Mariôt

Thuộc chủ đề: Học liệu số

Gửi lên: 06/09/2022

Lớp: Lớp 10

Môn học: Vật lí

Xem: 75

Câu 10.3 trang 23 SBT Tin học 10: Thực hành: Em hãy sử dụng bản đồ trực tuyến Google Map tại địa chỉ google.com/maps và thực hiện những yêu cầu sau:

- a) Tìm bản đồ theo địa danh.
- b) Hiển thị bản đồ ở hai chế độ: bản đồ giao thông và bản đồ vệ tinh.
- c) Tìm đường đi giữa hai điểm và ước tính thời gian tương ứng với phương tiện đi.

Lời giải:

Hướng dẫn: Khai thác dữ liệu và ứng dụng bản đồ Google Maps:

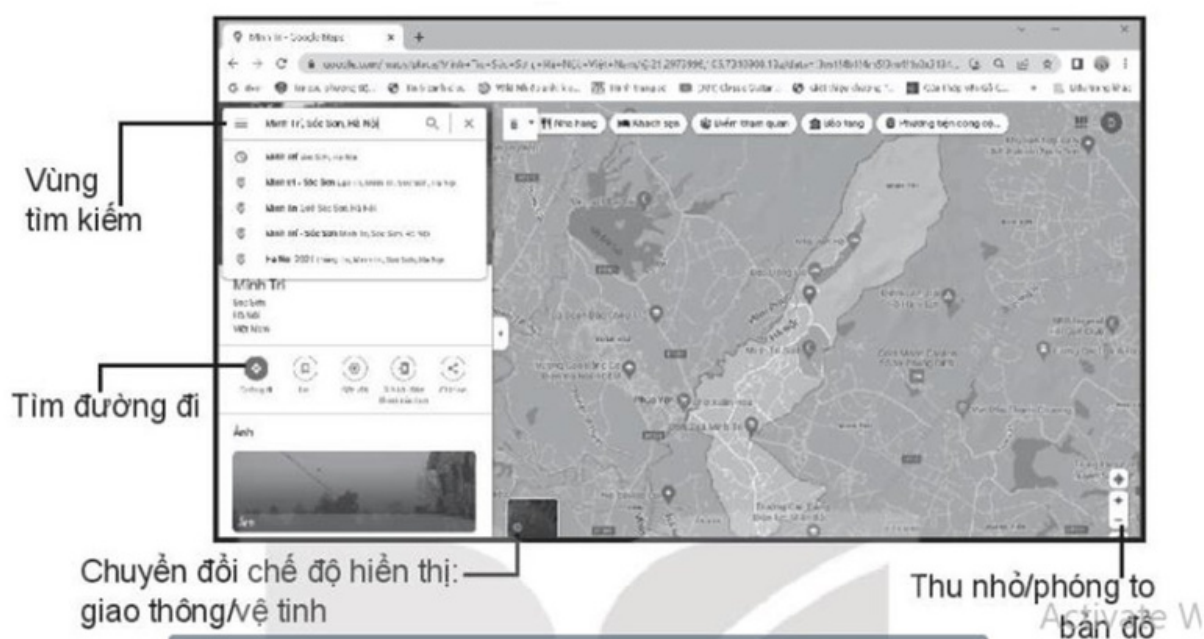
Nhập địa chỉ map.google.com vào ô địa chỉ của trình duyệt để mở trang google.com/maps.

- a) Hiển thị bản đồ một vùng, tìm theo địa danh.

Để xem bản đồ một vùng nào đó, em nhập địa danh vào vùng tìm kiếm, ví dụ

"xã Minh Trí". Trong quá trình gõ, phần mềm sẽ gợi ý, nếu thấy xuất hiện đúng địa danh chỉ cần nháy chuột vào tên để xác nhận. Bản đồ sẽ được hiển thị hết độ đường giao thông, có thể thu nhỏ/phóng to (zoom) bản đồ hay chuyển đổi chế độ hiển thị giữa bản đồ giao thông và bản đồ vệ tinh.

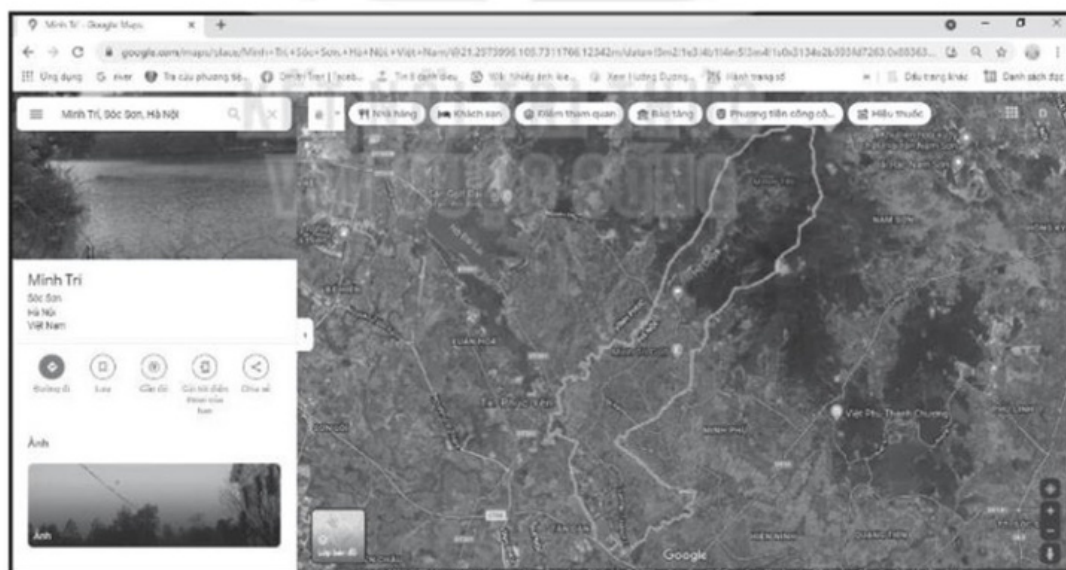
Ví dụ xem bản đồ xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.



b) Chuyển bản đồ sang chế độ vệ tinh:

Nháy đúp chuột vào Lớp bản đồ phía dưới bên trái để chuyển sang chế độ vệ tinh.





Hình 10.7

Activate

Có thể di chuyển chuột để dịch chuyển bản đồ trên màn hình kết hợp với thu nhỏ/ phóng to để xem chi tiết vùng quan tâm.

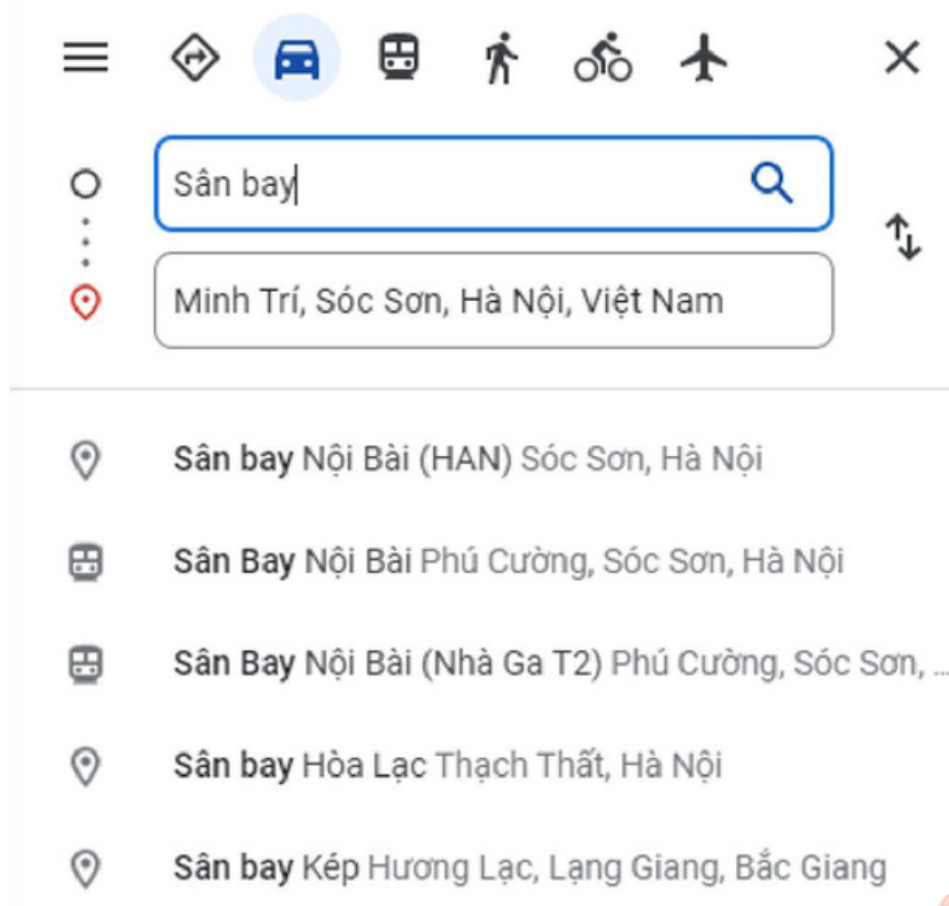
c) Ví dụ tìm đường đi từ Sân bay Nội Bài về xã Minh Trí.

Nháy chuột vào nút tìm đường, phần mềm sẽ yêu cầu tìm nơi đi, mặc định là Minh Trí là điểm đến. (Nếu không phải đến Minh Trí thì nhập lại nơi đến tương tự nơi đi).



Nhập “Sân bay Nội Bài” vào vùng tìm nơi đi, phần mềm cũng có chức năng gợi ý địa danh.

Sau khi chấp nhận, phần mềm hiển thị bản đồ đường đi với cả nơi đi, nơi đến với khoảng cách 20,6 km và thời gian đi ô tô trung bình tại thời điểm ấy mất 39 phút. Thời gian có thể thay đổi theo tình trạng giao thông.



The screenshot shows a navigation app interface. At the top, there are icons for different transport modes: a menu icon, a car icon (selected), a train icon, a pedestrian icon, a bicycle icon, and an airplane icon. Below these is a search bar with the text "Sân bay" and a magnifying glass icon. To the right of the search bar is a vertical double-headed arrow icon. Below the search bar is a text box containing "Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội, Việt Nam". Below these elements is a list of search results, each preceded by a location pin icon:

- Sân bay Nội Bài (HAN) Sóc Sơn, Hà Nội
- Sân Bay Nội Bài Phú Cường, Sóc Sơn, Hà Nội
- Sân Bay Nội Bài (Nhà Ga T2) Phú Cường, Sóc Sơn, ...
- Sân bay Hòa Lạc Thạch Thất, Hà Nội
- Sân bay Kép Hương Lạc, Lạng Giang, Bắc Giang

